

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-ST

Ngày 02-5-2024

"V/v tranh chấp HĐ vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

2- Bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 199/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Thái Văn C, sinh năm 1953 (là chồng của bà Đ, vắng mặt).

- Chị Thái Thị T, sinh năm 1976 (là con của ông C, có mặt).

- Anh Thái Văn D, sinh năm 1977 (là con của ông C, vắng mặt).

- Chị Thái Thị Bé T, sinh năm 1979 (là con của ông C, vắng mặt).

- Chị Thái Thị Bé N, sinh năm 1981 (là con của ông C, vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp KB, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Ông Thái Văn C, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N uỷ quyền cho chị Thái Thị T tham gia giải quyết vụ án. Theo giấy uỷ quyền ngày 29/3/2023.

2. Bị đơn: Chị La Thị D, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp KB, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Việt H, sinh năm 1962 (là mẹ của chị D, vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2003 nguyên đơn ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N trình bày, yêu cầu như sau: Trước đây chị La Thị D có hỏi mượn tiền của bà Phạm Thị Đ (đã chết năm 2022) là vợ, là mẹ của các nguyên đơn số tiền 110.000.000đ, sau khi bà Đ chết thì chị La Thị D có điện thoại và đến gia đình thừa nhận nợ rồi trả được 4.000.000đ, còn lại 106.000.000đ, sau đó chị Diệu không trả nữa từ đó các nguyên đơn có làm đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Vào ngày 14/8/2022 tại trụ sở ấp KB, xã Đ1 đã giải quyết thì hai bên đã thoả thuận là chị La Thị D thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền 110.000.000đ và xin bớt 35.000.000đ, còn 75.000.000đ chị D hứa trả dần 4 đợt, mỗi đợt trả là 6 tháng và trả đợt sau cùng ngày 14/8/2024 là dứt điểm. Tuy nhiên chị La Thị D cũng không thực hiện trả nợ cho các nguyên đơn.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị La Thị D phải trả cho các nguyên đơn ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N số tiền là 106.000.000đ (một trăm lẻ sáu triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 14/12/2023 bị đơn chị La Thị D trình bày như sau: Theo các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền vay 106.000.000đ thì chị không đồng ý. Bởi vì, bà Nguyễn Việt H là mẹ ruột của chị, vì cần số tiền để làm ăn nên bà H có nhờ chị giới thiệu người quen cho bà H vay tiền, từ đó chị giới thiệu bà Phạm Thị Đ thì lúc đó bà H đến gặp bà Đ vay số tiền 45.000.000đ, lãi suất 5%/tháng là 2.250.000đ/45.000.000đ, hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói và bà H đã nhận số tiền 45.000.000đ tại nhà của bà Đ, việc đóng lãi cho bà Đ thì bà H có nhờ chị đóng giùm. Như vậy, tổng cộng từ ngày 15/01/2017 âm lịch đến ngày 15/8/2019 âm lịch tiền lãi đã đóng cho bà Đ là 70.000.000đ, sau đó bà H hết khả năng đóng lãi, từ đó tiếp tục tính tiền lãi từ ngày 18/8/2019 âm lịch đến ngày 15/01/2022 là 29 tháng x 2.250.000đ = 65.000.000đ cộng tiền gốc 45.000.000đ = 110.000.000đ, nhưng việc vay tiền và trả tiền lãi cũng không có làm giấy tờ gì, cũng không ai chứng kiến, sau khi bà Đ bệnh chết thì chị có trả được 4.000.000đ rồi không trả nữa cho nên gia đình bà Đ do chị Thái Thị T đại diện làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại buổi hoà giải ngày 14/8/2022 chị T đại diện cho gia đình bà Đ đồng ý bớt cho bà H tiền lãi 35.000.000đ, còn lại bà H phải trả số tiền là 75.000.000đ. Từ đó chị không đồng ý trả nợ cho các nguyên đơn mà số nợ này là bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Việt H trình bày như sau: Chị La Thị D là con ruột của bà,

chị Diệu có gia đình riêng sống tại ấp KB, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang, còn bà Phạm Thị Đ thì bà không quen biết, việc chị D hỏi vay tiền của bà Phạm Thị Đ thì lúc đầu bà không hề hay biết, đến năm 2023 thì chị D bị bế nợ do làm ăn thất bại nên có về gặp bà để mượn tiền trả nợ cho bà con lúc đó bà có cho chị D mượn một số để trả nợ.

Nay bà xác định là bà không có nhờ chị La Thị D hỏi vay tiền của bà Phạm Thị Đ như chị D trình bày mà do chị D làm ăn thất bại nợ nần của bà con nhiều không khả năng trả rồi nói vô cớ. Hiện tại gia đình bà kinh tế cũng khá, ổn định và bà là người làm ăn có uy tín ở địa phương chưa hề có thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa hôn nay, chị Thái Thị T là người nguyên đơn, đồng thời cũng người đại diện theo uỷ quyền trình bày và yêu cầu như sau: Việc chị D cho rằng bà H là người vay tiền của bà Đ là hoàn toàn không đúng, sau khi bà Đ chết thì chị D có điện thoại thừa nhận có nợ bà Đ số tiền 110.000.000đ và đến nhà trả 4.000.000đ, còn lại 106.000.000đ chị D hứa trả dần nhưng sau đó không thực hiện, từ đó gia đình chị mới nhờ ấp KB giải quyết, tại buổi hoà giải thì giữa chị và chị D thoả thuận, thống nhất là chị D còn nợ bà Đ số tiền 110.000.000đ và xin bớt 35.000.000đ, còn lại chị D phải trả cho gia đình là 75.000.000đ và hẹn trả dần, nhưng sau đó chị D không thực hiện. Vì vậy, phiên tòa hôm nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện là đồng ý cho chị D trả cho gia đình chị theo biên bản hoà giải của ấp KB ngày 14/8/2022 số tiền 75.000.000đ là dứt điểm. Thời gian trả nợ trong năm 2024 là dứt điểm và chị yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị La Thị D trình bày: Việc mẹ chị bà Nguyễn Việt H trước đây có vay tiền của bà Phạm Thị Đ và tại biên bản hoà giải của ấp KB chị thừa nhận có nợ bà Đ và hứa trả là mục đích giùm cho mẹ chị là bà H, nhưng chị cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà H vay số tiền này của bà Đ. Vì vậy, nay chị thừa nhận còn nợ và chấp nhận trả cho các nguyên đơn ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N số tiền 75.000.000đ, nhưng hiện nay chị không còn khả năng trả nợ nên chị xin trả dần số tiền này kéo dài nhiều năm mới dứt nợ.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị La Thị D.

Buộc chị La Thị D trả cho ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của đương sự nội dung về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” và bị đơn có nơi cư trú trên địa phận hành chính của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Phần thủ tục tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Việt H được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất mà vẫn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, bà H đã có lời trình bày rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về số nợ: Xét thấy, yêu cầu của các nguyên đơn là có cơ sở. Bởi vì, việc chị La Thị D vay tiền của bà Phạm Thị Đ thì gia đình của bà Đ không hay biết và cũng không có làm giấy tờ gì, nhưng sau khi bà Đ chết thì chị Diệu đứng ra thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền là 110.000.000đ và hứa trả dần cho gia đình bà Đ, nhưng sau đó chị Diệu Không thực hiện nên các nguyên đơn làm đơn yêu cầu đến chính quyền địa phương giải quyết, tại biên bản hoà giải của ấp KB ngày 14/8/2022 giữa chị Thái Thị T là người đại diện cho gia đình bà Đ và chị La Thị D đã thoả thuận, thống nhất là chị D có nợ bà Đ số tiền 110.000.000đ và xin bớt số tiền 35.000.000đ, còn lại 75.000.000đ xin trả dần 4 đợt cho gia đình bà Đ lần sau cùng vào ngày 14/8/2024 là trả dứt điểm. Tại phiên tòa hôm nay chị Thái Thị T và chị La Thị D cũng thoả thuận, thống nhất theo biên bản hoà giải ngày 14/8/2022 của ấp KB là chị D trả cho ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) là dứt điểm, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về thời gian trả nợ: Do hai bên không thoả thuận được với nhau là chị T yêu cầu chị D trả trong vòng năm 2024 là dứt điểm số tiền trên, còn chị D xin trả

dần thời gian dài mà không xác định đến năm nào trả dứt nợ. Xét thấy, chị D đã không thực hiện trả nợ cho các nguyên đơn đến nay đã lâu, nay chị D xin trả dần thời gian dài sẽ làm thiệt thòi, ảnh hưởng đến quyền lợi của các nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị La Thị D.

Buộc chị La Thị D trả cho các nguyên đơn ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N số tiền vay là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) là dứt điểm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên chị La Thị D phải chịu tiền án phí là $75.000.000đ \times 5\% = 3.750.000đ$.

Hoàn trả lại cho ông C, chị T, anh D, chị Bé T, chị Bé N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.650.000đ (hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), theo lai thu số: 0009032 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26, khoản 1 Điều 39, điểm khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị La Thị D.

Buộc chị La Thị D trả cho ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N số tiền vay là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà chị La Thị D không trả hoặc trả không đủ số tiền cho ông Thái Văn C, chị Thái Thị T, anh Thái Văn D, chị Thái Thị Bé T, chị Thái Thị Bé N thì ông C, chị T, anh D, chị T, chị N có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật và chị D còn phải trả thêm lãi cho ông

C, chị T, anh D, chị Bé T, chị Bé N theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn lại, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị La Thị D phải chịu tiền án phí là 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông C, chị T, anh D, chị Bé T, chị Bé N đã nộp 2.650.000đ (hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), theo lai thu số số: 0009032 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 02/5/2024). Đối với bà H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VP ĐKĐĐ huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu V. phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm